

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HSST

Ngày: 14-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chính.

Bà Nguyễn Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/TLST - HS ngày 21 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025, đối với:

- Bị cáo: Trần Văn S (Tên gọi khác: H), sinh ngày 04/10/1952, tại T.

Căn cước công dân số: 082052006988 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/5/2022.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); vợ: Nguyễn Thị H (chết); con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Nguyễn Hoàng Yên P, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: K, thành phố G, tỉnh T.

+ Nguyễn Văn Mạnh H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

+ Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

+ Trần Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt).

+ Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

+ Võ Thị Kiều H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

+ Nguyễn Thị T, sinh năm 1942 (vắng mặt).

Cùng trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

+ Lê Thị Kim A, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

+ Nguyễn Ngọc Ph, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã B, thành phố G, tỉnh T.

+ Nguyễn Thị Kiều E, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do động cơ thu lợi bất chính, vào ngày 19/9/2024, bị cáo Trần Văn S sử dụng kết quả xổ số kiến thiết của 03 đài xổ số các tỉnh T, A, B để đánh bạc dưới hình thức ghi số đề với 18 người với tổng số tiền đánh bạc là 10.203.000 đồng (trong đó 10 người không xác định được nhân thân, địa chỉ với tổng số tiền đánh bạc là 4.842.000). Bị cáo S trực tiếp ghi số đề tại tiệm tạp hóa của anh Trần Thanh T, tọa lạc ấp T, xã T, huyện G hoặc những người chơi sẽ gọi điện qua số điện thoại 0966297818 của bị cáo S để ghi số đề. Khi người tham gia ghi số đề, bị cáo S viết vào tờ giấy để ghi nhớ. Sau khi có kết quả xổ số, bị cáo S sẽ trả tiền mặt cho những người trúng số đề, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Kiều E điện thoại cho bị cáo S ghi số 92 và 93 mỗi số 5.000 đồng, bao lô cả 03 đài với tổng số tiền là 420.000 đồng, kết quả bà E trúng đài T số 92, 93 được 720.000 đồng, đài B số 93 được 360.000 đồng, tổng cộng số tiền đánh bạc của bà E và bị cáo S là 1.500.000 đồng;

- Bà Võ Thị Kiều H điện thoại cho bị cáo S ghi số 92 và 93 mỗi số 5.000 đồng, bao lô cả 03 đài với tổng số tiền là 420.000 đồng, kết quả bà H trúng đài T số 92, 93 được 720.000 đồng, đài B số 93 được 360.000 đồng, tổng cộng số tiền đánh bạc của bà H và bị cáo S là 1.500.000 đồng;

Những người ghi đề không trúng số đề gồm:

- Bà Nguyễn Hoàng Yến P đến tiệm tạp hóa của anh T gặp bị cáo S ghi số 29 đá số 69 của đài T và A với tổng số tiền 56.000 đồng; ghi số 69 bao cả 03 đài, đầu 1.000 đồng, đuôi 1.000 đồng, với tổng số tiền 48.000 đồng. Tổng số tiền bà P đưa cho bị cáo S để ghi đề là 103.000 đồng;

- Ông Nguyễn Văn Mạnh H đến tiệm tạp hóa của anh T gặp bị cáo S ghi số 59 đài A, bao lô với tổng số tiền ghi đề là 280.000 đồng;

- Bà Dương Thị Ngọc H đến tiệm tạp hóa của anh T gặp bị cáo S ghi số 49 và 68 đá vòng 2, số tiền 2.000 đồng, đài T và đài A tổng số tiền ghi đề là 110.000 đồng;

- Ông Nguyễn Văn H đến tiệm tạp hóa của anh T gặp bị cáo S ghi số 67, 53, 09, 18, 94 bao lô của đài T và số 67, 43, 94, 14 bao lô đài A, với tổng số tiền ghi đề là 1.540.000 đồng;

- Anh Nguyễn Ngọc Ph đến tiệm tạp hóa của anh T gặp bị cáo S ghi số 00, 26, 62 đá vòng 3, số tiền 1.000 đồng của 03 đài, với tổng số tiền ghi đề 168.000 đồng;

- Bà Nguyễn Thị T đến tiệm tạp hóa của anh T gặp bị cáo S ghi số 72 đầu 20.000 đồng, đuôi 10.000 đồng; số 78 đầu 30.000 đồng, đuôi 10.000 đồng; số 68 đầu 30.000 đồng, đuôi 10.000 đồng; số 16 đầu 10.000 đồng của đài T và số 72 đầu 10.000 đồng, đuôi 20.000 đồng; số 78 đầu 10.000 đồng, đuôi 10.000 đồng; số 68 đầu 10.000 đồng, đuôi 10.000 đồng của đài A, với tổng số tiền ghi đề là 160.000 đồng.

Đến 16 giờ 50 phút cùng ngày, tổ công tác Công an xã T phối hợp Công an huyện G tiến hành kiểm tra tiệm tạp hóa của anh T phát hiện bị cáo S đang cất giấu trong người 01 tờ giấy ghi số đề. Tổ công tác tiến hành lập biên bản và tạm giữ các đồ vật, tài liệu có liên quan.

Quá trình điều tra bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo trên 70 tuổi.

Về vật chứng:

- Tạm giữ của bị cáo S: 01 tờ giấy lịch (tờ lịch ngày 19/01/2023) có kích thước (20,7 x 14,4) cm mặt sau tờ giấy lịch có ghi các chữ và số; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 RM-1190 màu đen - trắng có gắn sim số 0792342844; 01 điện thoại di động hiệu FORME màu đen có gắn sim số 0966297818; 01 máy tính bỏ túi hiệu CASIO màu bạc-xám; số tiền 7.949.000 đồng;

- Tạm giữ của bà Nguyễn Thị T số tiền 160.000 đồng.

Hiện trường của vụ án: Tại sân nhà anh Trần Thanh T, sinh năm 1990, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T. Quá trình khám nghiệm, xác định:

Nhà anh Trần Thanh T có mặt chính diện quay về hướng Bắc, cách 05 mét là Quốc lộ 50, hướng Tây giáp đại lý bia nước ngọt L, hướng Đông giáp nhà bà Trần Thanh Kim P. Trước cửa nhà anh Trần Thanh T có mái che tiền chế. Khu vực này gia đình dùng để buôn bán tạp hóa, khu vực có diện tích 08m70 x 06m70, có cửa kéo bằng kim loại do anh Trần Thanh T làm chủ.

Trung tâm của hiện trường được xác định tại chiếc giường bằng gỗ. Kích thước (02m00 x 01m55 x 0m50), bên trên có đồ tấm nệm, nằm sát vách hướng đông và cách cửa ra vào 04m50. Liên kề giường này về hướng Bắc có kệ để tivi và bộ bàn ghế đá.

Căn cứ Bản Kết luận giám định số: 1764/KL-KTHS ngày 08/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang kết luận số tiền 3.130.000 đồng thu giữ của bị cáo S gửi giám định là tiền thật.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSGCT ngày 21/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây truy tố bị cáo Trần Văn S, về tội: “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây giữ quyền công tố giữ y quan điểm về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố bị cáo, đề nghị: Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội: “Đánh bạc”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Bộ luật hình sự năm 2015.

Phạt bị cáo Trần Văn S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, về tội: “Đánh bạc”.

Phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo S 20.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu, sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu FORME màu đen có gắn sim số 0966297818; 01 máy tính bỏ túi hiệu CASIO màu bạc-xám; số tiền 7.949.000 đồng của bị cáo S; số tiền 160.000 đồng của bà T.

+ Trả lại cho bị cáo S 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 RM-1190 màu đen - trắng có gắn sim số 0792342844.

+ Lưu vào hồ sơ vụ án 01 tờ giấy lịch (tờ lịch ngày 19/01/2023) có kích thước (20,7 x 14,4) cm mặt sau tờ giấy lịch có ghi các chữ và số.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo S, do người cao tuổi.

* *Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Sơn khai:* Bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng mà Viện Kiểm sát đã truy tố bị cáo. Vào ngày 19/9/2024, tại tiệm tạp hóa của anh Trần Thanh T, bị cáo S thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề với 18 người, tổng số tiền đánh bạc là 10.203.000 đồng. Bị cáo năn năn, hối cải; xin giảm nhẹ hình phạt.

* *Tại phiên tòa, người làm chứng anh Trần Thanh T trình bày:* Anh T có mở tiệm bán tạp hóa tại nhà em anh T là anh Nguyễn Văn T, anh T không có trực tiếp chứng kiến S ghi, bán số đề.

* *Tại phiên tòa, người làm chứng chị Dương Thị Ngọc H trình bày:* Chị H có đến tiệm tạp hóa của anh T gặp bị cáo S ghi số 49 và 68 đá vòng 2, số tiền 2.000 đồng, đài T và đài A tổng số tiền ghi đề là 110.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của bị cáo; người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người làm chứng; không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người làm chứng đã được tổng đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết

vụ án; do đó, xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa được đối chiếu phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện Kiểm sát đã truy tố; lời luận tội của Kiểm sát viên; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật; cụ thể: Vào ngày 19/9/2024, tại tiệm tạp hóa của anh T, bị cáo S thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề với 18 người (trong đó 10 người không xác định được nhân thân, địa chỉ), tổng số tiền đánh bạc là 10.203.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo S đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự ở địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm; đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã trên 70 tuổi, là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Nên không cần thiết cách ly bị cáo; cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, vì vậy cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng:

- Xét 01 điện thoại di động hiệu FORME màu đen có gắn sim số 0966297818; 01 máy tính bỏ túi hiệu CASIO màu bạc-xám là công cụ mà bị cáo S dùng để liên lạc và thực hiện hành vi phạm tội; nên tịch thu, hóa giá sung công quỹ nhà nước ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Xét số tiền 7.949.000 đồng của bị cáo S thu từ bán số đề và dùng để chi trả những người trúng số đề; nên tịch thu sung công quỹ nhà nước ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Xét số tiền 160.000 đồng của bà Nguyễn Thị T sử dụng trong hành vi ghi số đề; nên tịch thu sung công quỹ nhà nước ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Xét 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 RM-1190 màu đen - trắng có gắn sim số 0792342844 của bị cáo S không có sử dụng trong hành vi đánh bạc; nên trả lại cho bị cáo S ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Xét 01 tờ giấy lịch (tờ lịch ngày 19/01/2023) có kích thước (20,7 x 14,4) cm mặt sau tờ giấy lịch có ghi các chữ và số của bị cáo S ghi trong khi thực hiện hành vi phạm tội; nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[6] Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kiều E, bà Dương Thị Ngọc H, bà Nguyễn Hoàng Yến P, bà Võ Thị Kiều H, ông Nguyễn

Văn Mạnh H, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Ngọc Ph không cấu thành tội phạm; nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm là có căn cứ.

[7] Về án phí: Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo S, do người cao tuổi.

[8] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i,o,s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Điều 106, 136, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội: “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

+ Phạt bị cáo Trần Văn S 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Trần Văn S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

+ Phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trần Văn S 20.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

2. Về vật chứng:

- Tịch thu, sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu FORME màu đen có gắn sim số 0966297818; 01 máy tính bỏ túi hiệu CASIO màu bạc-xám; số tiền 7.949.000 đồng của bị cáo S; số tiền 160.000 đồng của bà T ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn S 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 RM-1190 màu đen - trắng có gắn sim số 0792342844 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Lưu vào hồ sơ vụ án 01 tờ giấy lịch (tờ lịch ngày 19/01/2023) có kích thước (20,7 x 14,4) cm mặt sau tờ giấy lịch có ghi các chữ và số.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo S, do người cao tuổi.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;

- VKSND tỉnh T;

- VKSND huyện G;
- Cơ quan CSĐT – CA huyện G;
- Cơ quan THAHS – CA huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu